

## **PHỤ LỤC**

**Phụ lục I: Các văn bản pháp lý liên quan đến dự án**

**Phụ lục II: Kết quả phân tích môi trường nền**

**Phụ lục III: Bản vẽ tổng mặt bằng tuyến đường dây**

**PHỤ LỤC I**  
**CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ**  
**LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN**

---

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7394/UBND-CNN&XD

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 12 năm 2025

V/v chấp thuận phương án hướng  
tuyến đường dây 500kV Yên Bái -  
Thái Nguyên (đoạn đi qua  
địa phận tỉnh Thái Nguyên)

Kính gửi:

- Các sở: Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Công ty Điện lực Thái Nguyên;
- UBND các xã, phường: Phú Xuyên, La Bằng, Đại Từ, Vạn Phú, Quân Chu, Phúc Thuận;
- Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Nam;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Văn bản số 3786/SCT-NL ngày 15/12/2025 về việc đề nghị chấp thuận phương án hướng tuyến đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên (đoạn đi qua địa phận tỉnh Thái Nguyên) (kèm theo Biên bản ngày 02/12/2025), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận phương án hướng tuyến đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên, đoạn đi qua địa phận tỉnh Thái Nguyên theo đề nghị của Sở Công Thương tại Văn bản trên.

2. Giao các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan hướng dẫn Chủ đầu tư triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

3. Trên cơ sở hướng tuyến đã thống nhất, Chủ đầu tư thực hiện các bước theo đúng quy định; việc triển khai thi công phải phù hợp với quy hoạch xây dựng đô thị, thực hiện hoàn trả đầy đủ mặt bằng hiện trạng sau thi công.

Căn cứ ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh, yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện đúng quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Mau/tn/12/25

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Bùi Văn Lương**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 674 /UBND-KTN

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Về phương án hướng tuyến đường  
dây 500kV Yên Bái - Thái  
Nguyên (đoạn đi qua địa phận  
tỉnh Tuyên Quang)

Kính gửi:

- Các sở, ngành: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Công ty Điện lực Tuyên Quang;
- UBND các xã, phường: Bình Ca, Nhữ Khê, Sơn Dương, Minh Thanh, Thái Bình, Mỹ Lâm, Bình Thuận;
- Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Nam.

(địa chỉ: số 10, đường Võ Văn Kiệt, phường Cầu Ông Lãnh, thành phố Hồ Chí Minh)

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy Tuyên Quang tại Thông báo số 104-TB/TU ngày 28 tháng 01 năm 2026.

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 09/TTr-SCT, ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc chấp thuận Phương án hướng tuyến đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên (đoạn đi qua địa phận tỉnh Tuyên Quang).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:


1. Về nguyên tắc cơ bản chấp thuận Phương án hướng tuyến đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên (đoạn đi qua địa phận tỉnh Tuyên Quang) theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 09/TTr-SCT nêu trên.

2. Giao Sở Công Thương chủ trì cùng các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan của tỉnh theo dõi, phối hợp, hướng dẫn Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Nam triển khai thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật hiện hành. Việc triển khai thực hiện dự án phải phù hợp, đồng bộ với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng, xáo trộn tới cuộc sống,

hoạt động sản xuất của các tổ chức và người dân trên địa bàn; thực hiện hoàn trả đầy đủ mặt bằng hiện trạng sau thi công.

Căn cứ chỉ đạo, yêu cầu các cơ quan, đơn vị nêu trên khẩn trương, nghiêm túc triển khai thực hiện đúng quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu VT, KTN (Hồng). 



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**

**PHỤ LỤC II**  
**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG NỀN**

---



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERT 269 – VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
Đ/c: PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
Tel:0936.175.507 Email : haticovietnam2016@gmail.com

Số: 00372/2026/PKQ/26.0521

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên  
Địa chỉ : tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên và Tuyên Quang  
Vị trí lấy mẫu : - NM1: Hồ nông trường chè Mỹ Lâm gần vị trí G7  
- NM2: Hồ Kỳ Lăm gần vị trí G15  
- NM3: Hồ Độc Giang gần vị trí G24

Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 03  
Ngày lấy mẫu : 15/01/2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 08:2023/ BTNMT (Bảng 3 - mức B)
				NM1	NM2	NM3	
1.	pH <sup>(b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,20	7,14	7,08	6,0-8,5
2.	COD <sup>(b)</sup>	mg/l	SMEWW 5220C:2023	14,2	15,2	16,8	≤ 15
3.	BOD <sub>5</sub> <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6001-1:2021	5,2	5,8	6,1	≤ 6
4.	TSS <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6625:2000	13	19	21	≤ 15
5.	Tổng Photpho <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6202:2008	0,08	0,04	0,09	≤ 0,3
6.	Tổng Nito <sup>(b)</sup>	mg/l	SMEWW4500-N.C:2023 SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> -E:2023	0,8	0,5	0,7	≤ 1,5
7.	Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	2.900	3.100	3.200	≤ 5.000

**Ghi chú:**

+ QCVN 08:2023/ BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ Bảng 3: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước.

+ Mức B : Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Văn Hoà

1. (-) Không quy định  
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts  
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas  
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội  
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm  
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM**  
**PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERT 269 – VILAS 1349**

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
 Đ/c: PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
 Tel:0936.175.507 Email : haticovietnam2016@gmail.com

Số: 00372/2026/PKQ/26.0522

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Tên khách hàng : Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên  
 Địa chỉ : tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên và Tuyên Quang  
 Vị trí lấy mẫu : - NM4: Hồ Suối Điều gần vị trí G45  
 - NM5: Hồ Núi Cốc gần vị trí G52  
 Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02  
 Ngày lấy mẫu : 15/01/2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 08:2023/ BTNMT (Bảng 3 - mức B)
				NM4	NM5	
1.	pH <sup>(b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,41	7,50	6,0-8,5
2.	COD <sup>(b)</sup>	mg/l	SMEWW 5220C:2023	10,8	11,5	≤ 15
3.	BOD <sub>5</sub> <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6001-1:2021	5,1	4,8	≤ 6
4.	TSS <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6625:2000	10	12	≤ 15
5.	Tổng Photpho <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6202:2008	0,05	0,07	≤ 0,3
6.	Tổng Nito <sup>(b)</sup>	mg/l	SMEWW4500-N.C:2023 + SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> -.E:2023	0,8	0,7	≤ 1,5
7.	Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	2.900	3.200	≤ 5.000

**Ghi chú:**

+ QCVN 08:2023/ BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ Bảng 3: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước.

+ Mức B : Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh



ThS. Nguyễn Văn Hoà

1. (-) Không quy định  
 3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts  
 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
 7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas  
 4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội  
 6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm  
 8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERT 269 – VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
Đ/c: PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
Tel:0936.175.507 Email : haticovietnam2016@gmail.com

Số: 00372/2026/PKQ/26.0523

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên  
Địa chỉ : tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên và Tuyên Quang  
Vị trí lấy mẫu : - NM6: Sông Chảy gần vị trí G4  
- NM7: Sông Lô gần vị trí G20  
- NM8: Sông Phó Đáy gần vị trí G27.1

Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí  
Ngày lấy mẫu : 15/01/2026

Số lượng mẫu: 03

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 08:2023/ BTNMT (Bảng 2 – mức B)
				NM6	NM7	NM8	
1.	pH <sup>(b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,60	7,40	7,50	6,0-8,5
2.	COD <sup>(b)</sup>	mg/l	SMEWW 5220C:2023	18,9	20,2	23,3	≤ 15
3.	BOD <sub>5</sub> <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6001-1:2021	10,6	8,8	9,5	≤ 6
4.	TSS <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6625:2000	65,0	57,0	70,0	≤ 100
5.	Tổng Photpho <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6202:2008	0,18	0,21	0,15	≤ 0,3
6.	Tổng Nito <sup>(b)</sup>	mg/l	SMEWW4500-N.C:2023 SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> -E:2023	1,1	1,4	1,2	≤ 1,5
7.	Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	3.500	2.900	3.200	≤ 5.000

**Ghi chú:**

- + QCVN 08:2023/ BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
- + Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước.
- + Mức B : Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh



ThS. Nguyễn Văn Hoà

- (-) Không quy định
- Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERT 269 – VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
Đ/c: PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
Tel:0936.175.507 Email : haticovietnam2016@gmail.com

SỐ: 00372/2026/PKQ/26.0517

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên  
Địa chỉ : tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên và Tuyên Quang  
Vị trí lấy mẫu : - Đ1: Điểm đầu tuyến đường dây (vị trí TBA 500kV Yên Bái dự kiến) tại xã Thác Bà, tỉnh Lào Cai  
- Đ2: Vị trí giao chéo tuyến đường dây đoạn G12.2 đến G12.3 với đường QL2D  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Đất Số lượng mẫu: 02  
Ngày lấy mẫu : 15/01/2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 03:2023/BTNMT (Loại 1)
				Đ1	Đ2	
1.	Chì (Pb) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	5,5	7,2	200
2.	Kẽm (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	7,4	6,2	300
3.	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7062	1,5	1,4	25
4.	Cadimi (Cd) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	0,9	0,8	4
5.	Crom (Cr) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	4,1	5,2	150
6.	Đồng (Cu) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	6,2	7,6	150

**Ghi chú:**

+ QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh



Phó Giám Đốc

1. (-) Không quy định  
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts  
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas  
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội  
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm  
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM**  
**PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERT 269 – VILAS 1349**

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
 Đ/c: PTN: Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
 Tel:0936.175.507 Email : haticovietnam2016@gmail.com

Số: 00372/2026/PKQ/26.0518

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Tên khách hàng : Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên  
 Địa chỉ : tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên và Tuyên Quang  
 Vị trí lấy mẫu : - Đ3: Vị trí giao chéo tuyến đường dây đoạn G19-G20 với đường Khúc Thờ Dụ, gần vị trí khu dân cư  
 - Đ4: Vị trí giao chéo tuyến đường dây đoạn G26.1-G26.2 với đường tỉnh lộ 186, gần vị trí khu dân cư  
 Tên mẫu/ Loại mẫu : Đất Số lượng mẫu: 02  
 Ngày lấy mẫu : 15/01/2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 03:2023/BTNMT (Loại 1)
				Đ3	Đ4	
1.	Chì (Pb) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	6,5	8,8	200
2.	Kẽm (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	7,7	6,9	300
3.	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7062	2,8	2,2	25
4.	Cadimi (Cd) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	0,7	0,6	4
5.	Crom (Cr) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	6,0	4,1	150
6.	Đồng (Cu) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	6,7	8,5	150

**Ghi chú:**

+ QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh

PHÓ GIÁM ĐỐC  
 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
 Đ. THANH XUÂN, TP. HÀ NỘI

ThS. Nguyễn Văn Hoà

- (-) Không quy định
- Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM**  
**PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERT 269 – VILAS 1349**

D/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
Đ/c: PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
Tel:0936.175.507 Email : [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 00372/2026/PKQ/26.0519

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên  
Địa chỉ : tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên và Tuyên Quang  
Vị trí lấy mẫu : - Đ5: Vị trí giao chéo tuyến đường dây đoạn G27.1-G28 với QL2  
- Đ6: Vị trí giao chéo tuyến đường dây đoạn G32-G33 với QL37  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Đất Số lượng mẫu: 02  
Ngày lấy mẫu : 15/01/2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 03:2023/BTNMT (Loại 1)
				Đ5	Đ6	
1.	Chì (Pb) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	5,8	7,0	200
2.	Kẽm (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	7,0	9,0	300
3.	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7062	2,4	2,5	25
4.	Cadimi (Cd) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	1,1	1,6	4
5.	Crom (Cr) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	4,5	7,2	150
6.	Đồng (Cu) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	4,6	7,9	150

**Ghi chú:**

+ QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh



ThS. Nguyễn Văn Hoà

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERT 269 – VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
Đ/c: PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
Tel:0936.175.507 Email : [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 00372/2026/PKQ/26.0520

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên  
Địa chỉ : tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên và Tuyên Quang  
Vị trí lấy mẫu : - Đ7: Vị trí giao chéo tuyến đường dây đoạn G51-G52 với DT261  
- Đ8: Vị trí giao chéo của điểm gần cuối tuyến đường dây đoạn G65-G66 với đường đất tại phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Đất Số lượng mẫu: 02  
Ngày lấy mẫu : 15/01/2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 03:2023/BTNMT (Loại 1)
				Đ7	Đ8	
1.	Chì (Pb) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	6,1	8,1	200
2.	Kẽm (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	7,2	6,7	300
3.	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7062	2,9	3,5	25
4.	Cadimi (Cd) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	1,8	0,5	4
5.	Crom (Cr) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	6,8	4,7	150
6.	Đồng (Cu) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	7,5	8,1	150

**Ghi chú:**

+ QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh



ThS. Nguyễn Văn Hoà

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sơ Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERT 269 – VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
Đ/c: PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
Tel:0936.175.507 Email : haticovietnam2016@gmail.com

Số: 00372/2026/PKQ/26.0512

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên  
Địa chỉ : tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên và Tuyên Quang  
Vị trí lấy mẫu : - KK1: Điểm đầu tuyến đường dây (vị trí TBA 500kV Yên Bái dự kiến) tại xã Thác Bà, tỉnh Lào Cai  
- KK2: Vị trí giao chéo tuyến đường dây đoạn G12.2 đến G12.3 với đường QL2D  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02  
Ngày lấy mẫu : 15/01/2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
				KK1	KK2	
1.	Bụi <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	110	250	300
2.	SO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	160	170	350
3.	NO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	110	150	200
4.	CO <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	2.450	2.610	30.000
5.	Tiếng ồn <sup>(b)</sup>	dBA	TCVN 6137:2009	59,2	68,4	70 <sup>(1)</sup>

**Ghi chú:**

- + QCVN 05:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
- + QCVN 26:2025/ BNNMT ((khu vực E từ 6h đến 18h): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh



Phó Giám Đốc

- (-) Không quy định
- Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERT 269 – VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
Đ/c: PTN: Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
Tel:0936.175.507 Email : haticovietnam2016@gmail.com

Số: 00372/2026/PKQ/26.0513

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên  
Địa chỉ : tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên và Tuyên Quang  
Vị trí lấy mẫu : - KK3: Vị trí giao chéo tuyến đường dây đoạn G19-G20 với đường Khúc Thù Dụ, gần vị trí khu dân cư  
- KK4: Vị trí giao chéo tuyến đường dây đoạn G26.1-G26.2 với đường tỉnh lộ 186, gần vị trí khu dân cư  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02  
Ngày lấy mẫu : 15/01/2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
				KK3	KK4	
1.	Bụi <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	170	190	300
2.	SO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	210	180	350
3.	NO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	140	120	200
4.	CO <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	2.670	2.560	30.000
5.	Tiếng ồn <sup>(b)</sup>	dBA	TCVN 6137:2009	57,7	61,9	70 <sup>(1)</sup>

**Ghi chú:**

- + QCVN 05:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.  
+ QCVN 26:2025/ BNNMT ((khu vực E từ 6h đến 18h): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh



Phó Giám Đốc

1. (-) Không quy định  
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts  
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.  
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas  
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội  
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm  
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERT 269 – VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
Đ/c: PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
Tel:0936.175.507 Email : haticovietnam2016@gmail.com

SỐ: 00372/2026/PKQ/26.0514

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên  
Địa chỉ : tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên và Tuyên Quang  
Vị trí lấy mẫu : - KK5: Vị trí giao chéo tuyến đường dây đoạn G27.1-G28 với QL2  
- KK6: Vị trí giao chéo tuyến đường dây đoạn G32-G33 với QL37  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02  
Ngày lấy mẫu : 15/01/2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
				KK5	KK6	
1.	Bụi <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	240	150	300
2.	SO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	210	160	350
3.	NO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	170	160	200
4.	CO <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	2.570	2.810	30.000
5.	Tiếng ồn <sup>(b)</sup>	dBA	TCVN 6137:2009	65,4	61,2	70(1)

### Ghi chú:

- + QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
- + QCVN 26:2025/BNNMT ((khu vực E từ 6h đến 18h): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh



Phó Giám Đốc

- (-) Không quy định
- Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERT 269 – VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
Đ/c: PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
Tel:0936.175.507 Email : [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 00372/2026/PKQ/26.0515

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên  
Địa chỉ : tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên và Tuyên Quang  
Vị trí lấy mẫu : - KK7: Vị trí giao chéo tuyến đường dây đoạn G51-G52 với DT261  
- KK8: Vị trí giao chéo tuyến đường dây đoạn G61-G62 với đường bê tông  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02  
Ngày lấy mẫu : 15/01/2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
				KK7	KK8	
1.	Bụi <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	160	210	300
2.	SO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	190	230	350
3.	NO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	140	150	200
4.	CO <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	2.400	2.570	30.000
5.	Tiếng ồn <sup>(b)</sup>	dBA	TCVN 6137:2009	63,5	56,8	70(1)

### Ghi chú:

- + QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.  
+ QCVN 26:2025/BNNMT ((khu vực E từ 6h đến 18h): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Văn Hoà

- (-) Không quy định
- Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERT 269 – VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
Đ/c: PTN: Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
Tel: 0936.175.507 Email: [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 00372/2026/PKQ/26.0516

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên  
Địa chỉ : tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên và Tuyên Quang  
Vị trí lấy mẫu : - KK9: Vị trí giao chéo của điểm gần cuối tuyến đường dây đoạn G65-G66 với đường đất tại phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 01  
Ngày lấy mẫu : 15/01/2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT
				KK9	
1.	Bụi <sup>(b)</sup>	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	210	300
2.	SO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	270	350
3.	NO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	120	200
4.	CO <sup>(b)</sup>	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	2.550	30.000
5.	Tiếng ồn <sup>(b)</sup>	dBA	TCVN 6137:2009	64,2	70(1)

**Ghi chú:**

- + QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.  
+ QCVN 26:2025/BNNMT ((khu vực E từ 6h đến 18h): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Văn Hoà

1. (-) Không quy định  
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts  
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.  
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas  
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội  
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm  
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

**PHỤ LỤC III**  
**BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG TUYẾN ĐƯỜNG DÂY**

---